

Bản án số: 47/2020/DS-ST

Ngày: 28/9/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Q.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Quan L.**

2. Ông **Lê Văn T.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Q** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy V** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 64/5C, ấp Long H, xã Trường T, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phạm Hoài Á**, sinh năm 1988 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 201, đường Âu C, khu phố Hiệp A, phường Hiệp T, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

- Bị đơn: Bà **Dương Thanh G**, sinh năm 1969 và ông **Trương Văn S**, sinh năm 1969 (Bà G và ông S vắng mặt).

Địa chỉ: Số 06, ấp Long K, xã Long Thành N, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phạm Hoài Á trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên ngày 14/11/2015, bà N có cho bà G, ông S vay số tiền 30.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên có làm giấy nhận nợ do bà G viết và

bà G, ông S cùng ký tên, hai bên không có thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận mỗi ngày góp 300.000 đồng đến khi góp hết số tiền vay, mục đích bà G, ông S vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Từ ngày vay khoản tiền này đến nay, bà G, ông S chưa góp được số tiền nào.

Ngoài ra, ngày 19/02/2016, bà Niên có cho bà G, ông S vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên có làm giấy nhận nợ do bà G viết và bà G ký tên, hai bên không có thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận mỗi ngày góp 200.000 đồng đến khi góp hết số tiền vay, mục đích bà G, ông S vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Từ ngày vay khoản tiền này đến nay, bà G, ông S cũng chưa góp được số tiền nào.

Nay ra tòa, bà N yêu cầu bà G, ông S cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà N số tiền vay còn nợ gốc 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, bà N không yêu cầu bà G, ông S phải trả tiền lãi.

- Bị đơn là bà Dương Thanh G, ông Trương Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Giang, ông Sự vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Á có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là bà G, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Á, bà G và ông S là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 14/11/2015, bà N cho bà G, ông S vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận góp mỗi ngày 300.000 đồng; ngày 19/02/2016, bà Niên cho bà G, ông S vay tiếp 20.000.000 đồng, thỏa thuận góp mỗi ngày 200.000 đồng, tổng cộng hai khoản vay là 50.000.000 đồng. Việc vay tiền hai bên có làm giấy nhận nợ, mục đích bà G, ông S vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Từ ngày vay 02 khoản tiền này đến nay, bà G, ông S chưa góp được số tiền nào. Tòa án đã triệu tập bà G, ông S nhiều lần nhưng bà G, ông S vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Nhận thấy khi vay tiền có lập thành văn bản do bà G, ông S ký tên, thời hạn trả nợ là góp mỗi ngày nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn. Như vậy, kể từ ngày vay, bà G và ông S chưa trả tiền cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn là bà N yêu cầu bà G, ông S trả số tiền vay 50.000.000 đồng và nguyên đơn cung cấp được chứng từ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hai giấy vay tiền do bà G, ông S ký tên. Vì vậy, căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà G, ông S trả số tiền 50.000.000 đồng, ghi nhận bà N không yêu cầu bà G, ông S trả tiền lãi.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bà Dương Thanh G và ông Trương Văn S là bị đơn có nơi cư trú tại nhà số 06, ấp Long K, xã Long Thành N, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phạm Hoài A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Dương Thanh G, ông Trương Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà G, ông S vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông A, bà G và ông S là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 14/11/2015, bà N cho bà G, ông S vay 30.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nhận nợ do bà G viết và bà G, ông S cùng ký tên, không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận mỗi ngày góp 300.000 đồng đến khi góp hết số tiền vay, mục đích bà G, ông S vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Đến ngày 19/02/2016, bà N cho bà G, ông S vay tiếp 20.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nhận nợ do bà G viết và bà G ký tên, không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận mỗi ngày góp 200.000 đồng đến khi góp hết số tiền vay, mục đích bà G, ông S vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Từ ngày vay hai khoản tiền này đến nay, bà G, ông S cũng chưa góp được số tiền nào nên hai bên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán thấy rằng: Việc vay tiền giữa bà N với bà G, ông S là có thật vì có hai biên nhận nợ, một biên nhận 30.000.000 đồng do bà G, ông S cùng ký tên và một biên nhận 20.000.000 đồng do bà G ký tên. Ngày 19/02/2016, bà G viết giấy nhận nợ sau cùng, thỏa thuận mỗi ngày góp 200.000 đồng nhưng đến hạn bà G, ông S vẫn chưa thanh toán cho bà N số tiền 50.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà G, ông S trả số tiền vay còn nợ 50.000.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật. Bà N không yêu cầu bà G, ông S trả lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Bà G và ông S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Dương Thanh G và ông Trương Văn S yêu cầu trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bà Dương Thanh G và ông Trương Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu bà G, ông S phải trả tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà G và ông S phải chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà N 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008815 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC.THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.